| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THUỶ NGUYÊN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 599/2020/QĐST-HNGĐ | *Thuỷ Nguyên, ngày 31 tháng 12 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 926/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

1. Chị Phạm Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 4, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng.

2. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 4, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn Q có đăng ký kết hôn số 21 ngày 02/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng là hợp pháp, các bên thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn Q thống nhất khai có hai con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2008 và Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2015. Hai bên thỏa thuận anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Việt A và Nguyễn Việt Đ cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Xét thỏa

thuận của các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chung nên chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn Q thống nhất thỏa thuận tự giao nhận cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quyền tự định đoạt của đương sự nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn Q thống nhất khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị N nhận nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là tự nguyện, bảo đảm được nghĩa vụ nộp lệ phí nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 12 năm 2020, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2008 và Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2015 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn Q thống nhất thỏa thuận tự giao nhận cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn Q thống nhất khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2**. Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị N nhận nộp cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số 0015622 ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị N đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

**3**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. T;
- Chi cục THADS H.T;
- UBND xã M, H T;
(Đăng ký kết hôn số 21/2007);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lương Ngọc Anh**